



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN

CHINH PHỤC VÙNG ĐỈNH MỚI

Ngày: 14/07/2025 – 18/07/2025



NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN



TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Thị trường lao động Mỹ duy trì độ bền vững bất chấp áp lực tìm việc kéo dài, niềm tin tiêu dùng đang hồi phục nhưng vẫn thận trọng trước áp lực chi phí. Chính sách thương mại linh hoạt tạo tâm lý lạc quan vừa phải và thị trường tài chính ghi nhận kỷ lục mới nhưng không loại trừ khả năng Fed tiếp tục giữ lập trường thận trọng cho đến khi lạm phát hạ nhiệt rõ ràng và chất lượng việc làm cải thiện bền vững.

Thị trường lao động tiếp tục bền bỉ với việc làm được giữ vững nhưng áp lực tìm việc vẫn còn cao:

- Đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tuần kết thúc 5/7 **giảm 5.000 xuống còn 227.000 đơn**, thấp nhất kể từ giữa tháng 5 và dưới dự báo 235.000 đơn, cho thấy doanh nghiệp giữ chân lao động tốt hơn dự kiến. Đơn trợ cấp thất nghiệp kéo dài tăng 10.000 **lên 1,965 triệu đơn**, mức cao nhất kể từ tháng 11/2021, phản ánh một bộ phận người thất nghiệp mất nhiều thời gian hơn để tìm việc mới.

Niềm tin tiêu dùng phục hồi mạnh mẽ dù vẫn thấp hơn mức cùng kỳ năm trước

- Chỉ số Michigan **tháng 6 tăng lên 60,7 điểm từ 52,2 điểm tháng 5**, với thành phần “điều kiện hiện tại” (64,8) và “kỳ vọng tương lai” (58,1) đều cải thiện, cho thấy người tiêu dùng lạc quan hơn trước triển vọng kinh tế.

Triển vọng lạm phát vẫn tiềm ẩn rủi ro khi áp lực giá đầu vào dễ tăng do thuế quan

- CPI tháng 6 được dự báo tăng 0,2% so tháng trước (2,7% so cùng kỳ) và CPI lõi tăng 0,3% tháng/3,0% năm, trong khi PPI tháng 5 chỉ tăng nhẹ 0,1%, gợi ý áp lực giá **vẫn được kiểm soát** nhưng có thể gia tăng nếu chi phí hàng nhập khẩu tiếp tục chịu thuế quan cao.

Thâm hụt thương mại gia tăng trong khi chính sách thuế quan có dấu hiệu “mềm hóa”

- Tháng 5, **thâm hụt thương mại hàng hóa mở rộng lên 97,5 tỷ USD do xuất khẩu giảm xuống 180,2 tỷ USD và nhập khẩu chỉ giảm nhẹ**. Chính quyền Trump hoãn đợt tăng thuế quan từ 9/7 sang 1/8 và thông báo mở rộng đàm phán làm thay đổi kỳ vọng về chi phí nhập khẩu và dòng vốn.

Trung Quốc vẫn đang vật lộn với tình trạng lạm phát thấp trong khi duy trì được thặng dư thương mại và dự trữ ngoại hối mạnh. Thị trường tài chính tương đối ổn định nhưng đà hồi phục bền vững còn phụ thuộc vào gói kích thích tiếp theo và khả năng phục hồi của tiêu dùng nội địa.

Lạm phát chững lại với CPI nhẹ tăng và PPI tiếp tục giảm sâu

- CPI tháng 6 **tăng 0,1%** so với cùng kỳ, chấm dứt chuỗi giảm kéo dài 4 tháng, nhưng nhu cầu trong nước vẫn yếu. PPI tháng 6 **giảm 3,6%** so năm trước, mức giảm mạnh nhất gần hai năm, phản ánh áp lực deflation tiếp tục đè nặng lên khu vực sản xuất

Thặng dư thương mại duy trì ở mức cao nhờ xuất khẩu tăng nhẹ giữa "lãnh hận" thương chiến

- Dự báo thặng dư thương mại tháng 6 đạt khoảng **109 tỷ USD**, tăng so với 103,2 tỷ USD tháng 5, bất chấp nhập khẩu hồi phục chỉ nhẹ do lo ngại Mỹ tái áp thuế.

Dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng, cho thấy nỗ lực ổn định tỷ giá của chính quyền

- Dự trữ ngoại hối tháng 6 tăng thêm 32,2 tỷ USD lên **3,317 tỷ USD**, vượt kỳ vọng, hỗ trợ chính sách bảo vệ sức mạnh đồng Nhân dân tệ

Kinh tế châu Âu đang duy trì sự ổn định tương đối nhờ thị trường lao động vững chắc và thặng dư thương mại bền bỉ. Tuy nhiên, tăng trưởng có phần chững lại khi niềm tin tiêu dùng và doanh số bán lẻ giảm, buộc ECB phải duy trì quan điểm thận trọng và chỉ xem xét hạ lãi suất khi lạm phát thực sự hạ nhiệt bền vững. Cần tiếp tục theo dõi sát các số liệu CPI và sản xuất công nghiệp để đánh giá hướng đi chính sách tiền tệ sắp tới .

Thị trường lao động tiếp tục ổn định với tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức thấp

- Dù tăng trưởng việc làm có phần chậm lại, tỷ lệ thất nghiệp chung vẫn được giữ ở quanh **ngưỡng thấp**, cho thấy lao động được duy trì ổn định ngay cả khi các chỉ báo kinh tế khác có chiều hướng **suy giảm**.

Niềm tin tiêu dùng và doanh số bán lẻ giảm theo xu hướng tiêu dùng thận trọng

- Doanh số bán lẻ tháng 5 trên toàn khối **giảm tháng thứ hai** liên tiếp, phản ánh tâm lý tiêu dùng còn **dè dặt** giữa bối cảnh lạm phát dai dẳng và áp lực thu nhập

ECB đặt tiêu chuẩn rất cao cho việc cắt giảm lãi suất và giữ nguyên mức chính sách cho đến khi có dấu hiệu rõ ràng hơn

- Quan chức ECB Isabel Schnabel nhấn mạnh rằng ngân hàng trung ương sẽ chỉ **cân nhắc hạ lãi suất** nếu lạm phát thực sự lệch xa **mục tiêu 2%**, cảnh báo không điều chỉnh vì các biến động giá tạm thời như dầu mỏ.

Thặng dư thương mại vẫn vững nhờ xuất khẩu ổn định bất chấp chi phí nhập khẩu cao

- Xuất khẩu của khu vực tiếp tục **giữ nhịp**, trong khi nhập khẩu tuy có **phục hồi** nhưng chưa đủ mạnh để làm xói mòn thặng dư thương mại.

Nền kinh tế Nhật Bản vẫn giữ được đà ổn định nhờ thị trường lao động vững chắc và chính sách tiền tệ thận trọng của BoJ. Tuy nhiên, áp lực giảm tốc từ lạm phát lõi chậm lại và sự sụt giảm xuất khẩu lần đầu sau 8 tháng đang đặt ra thách thức cho tăng trưởng tương lai. Trong khi đó, PPI hạ nhiệt phần nào giảm áp lực chi phí đầu vào nhưng điều này cũng phản ánh nhu cầu xuất khẩu suy yếu, đòi hỏi các biện pháp kích thích thêm để duy trì cải thiện GDP bền vững.

Giữ vững thị trường lao động bền bỉ trong khi lạm phát lõi chậm lại nhưng vẫn trên mục tiêu

- Tỷ lệ thất nghiệp duy trì quanh **2,5%** cho thấy thị trường lao động tiếp tục **ổn định** dù tăng trưởng việc làm có phần chậm lại

Lạm phát tiêu dùng lõi chậm lại nhưng vẫn ở mức cao so với mục tiêu 2% của BOJ

- Lạm phát lõi năm đến tháng 6 dự báo giảm xuống khoảng **3,3%** so với 3,7% tháng 5, phản ánh dấu hiệu **hạ nhiệt** nhưng vẫn vượt mục tiêu của Ngân hàng Nhật Bản

Giá sản xuất sụt giảm đáng kể, giảm áp lực chi phí trong chuỗi cung ứng

- Chỉ số giá bán buôn (PPI) tháng 6 tăng **2,9%** so năm trước, thấp hơn mức 3,3% của tháng 5, cho thấy áp lực từ giá đầu vào đang **giảm dần**.

BoJ giữ nguyên lãi suất ở 0,5% và duy trì quan điểm thận trọng

- Tại cuộc họp tháng 7, BoJ giữ lãi suất ngắn hạn ở **0,5%** và nhấn mạnh **cần theo dõi** tác động lâu dài từ giá lương thực, nhất là giá gạo, trước khi tính đến việc tăng tiếp

Xuất khẩu giảm lần đầu sau tám tháng, gây sức ép lên thặng dư thương mại

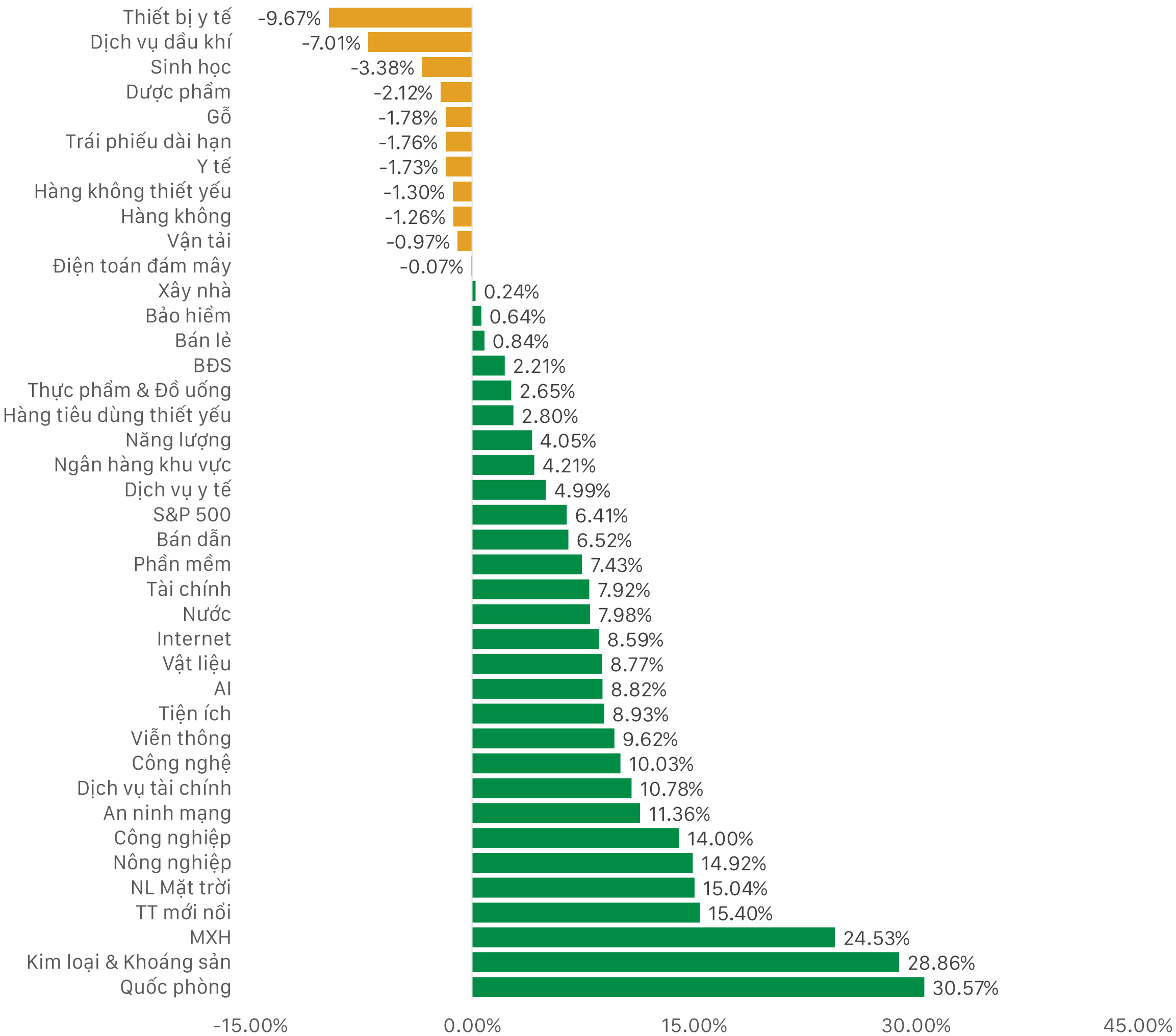
- Dữ liệu tháng 6 cho thấy **xuất khẩu giảm**, đánh dấu tháng **sụt giảm đầu tiên** trong chuỗi tám tháng tăng trước đó, làm thắt chặt sức mạnh thặng dư thương mại của Nhật Bản

Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	3,355	0.6%	-0.9%	27.8%	39.1%
WTI/USD	68.75	3.5%	1.0%	-4.1%	-16.4%
Bitcoin	117471	8.5%	10.7%	25.9%	98.1%
Dow Jones	44,372	-0.1%	3.3%	4.3%	10.9%
S&P 500	6,260	0.5%	3.6%	6.4%	11.5%
Nasdaq	22,781	0.4%	4.0%	8.4%	12.1%
GP100	8,941	1.3%	0.6%	9.4%	8.3%
DAX	24,255	2.0%	2.0%	21.8%	29.4%
CAC 40	7,829	1.7%	0.8%	6.1%	1.4%
Euro Stoxx 50	5,385	1.8%	0.5%	10.0%	6.8%
Nikkei 225	39,570	-0.6%	3.7%	-0.8%	-3.9%
Shanghai	3,510	1.1%	3.2%	4.7%	18.1%
Hang Seng	24,140	0.9%	0.4%	20.3%	32.0%
Vnindex	1,446	4.6%	9.9%	14.1%	12.6%
Set 50	721	-0.7%	-2.5%	-20.4%	-12.3%
EURUSD	1.1688	-0.7%	0.9%	12.8%	7.2%
DXY	97.853	0.9%	-0.1%	-9.8%	-6.0%

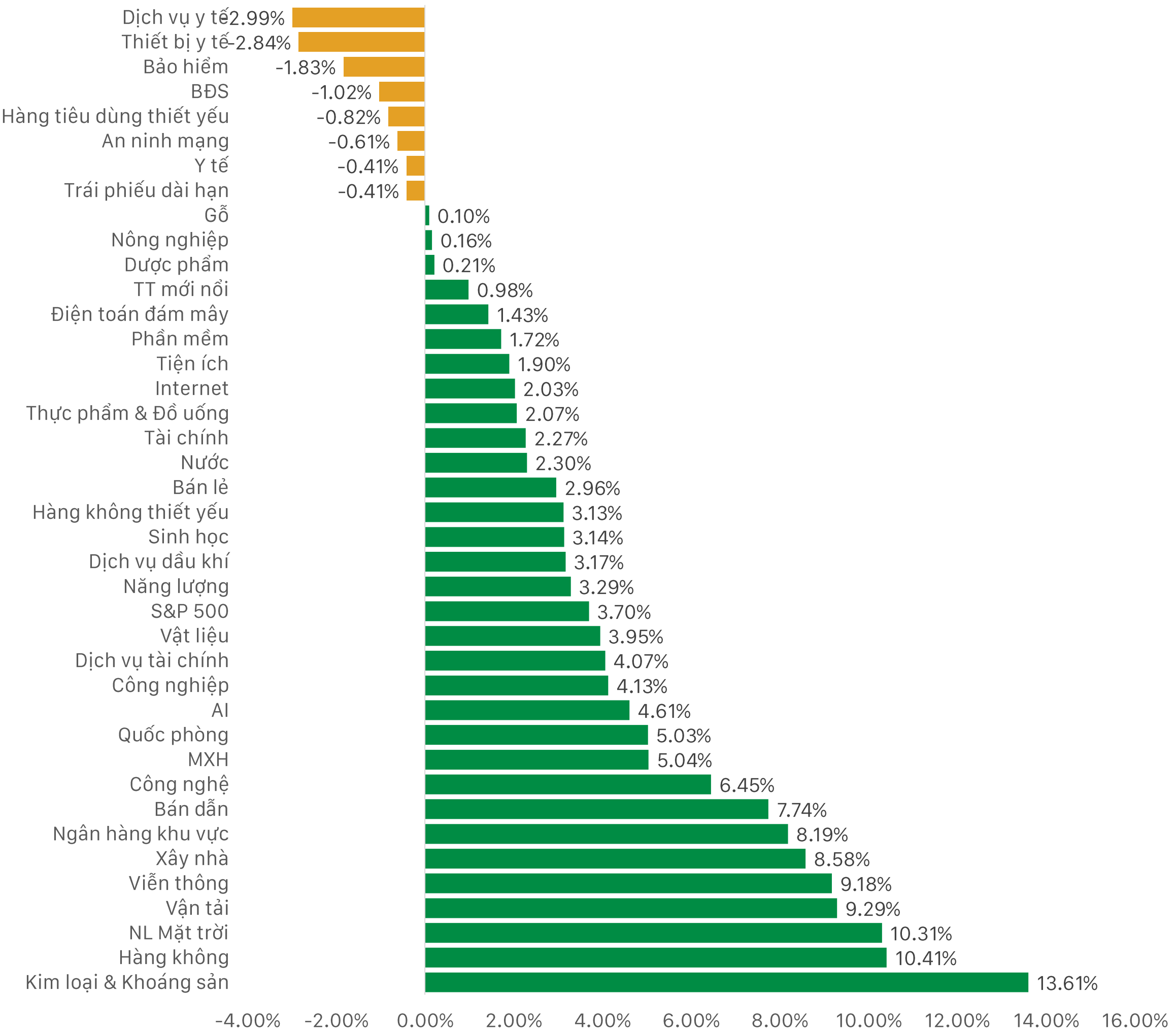
- Trong tuần qua các chỉ số chứng khoán không biến động lớn lắm và chỉ giảm nhẹ -0.1%. Các dữ liệu về việc làm tại Mỹ mạnh mẽ, tuy nhiên các công bố thỏa thuận thương mại với một số nước gây lo ngại với nhà đầu tư.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam với đại diện chỉ số Vnindex có mức tăng thuộc hàng đứng đầu thế giới đến 4.6% nhờ những lạc quan về tăng trưởng kinh tế, Thỏa thuận thuế quan và kỳ vọng sớm nâng hạng thị trường.
- Giá Bitcoin tiếp tục đạt kỷ lục mới lên trên 117 nghìn USD. Giá vàng đang dao động quanh mốc 3,350. Riêng giá dầu tăng mạnh trong tuần vừa qua vượt trên mốc 68 do nhu cầu tiêu thụ mạnh (đặc biệt từ Mỹ), lo ngại về nguồn cung trong bối cảnh địa chính trị bất ổn (Trung Đông, thuế quan Mỹ).

- Trong 6T2025, các ngành Sản xuất Máy bay/Quốc phòng (Aerospace & Defense) và Nguyên vật liệu Kim loại (Metals & Minging) được hưởng lợi nhiều từ các sự kiện Xung đột chiến tranh. Tuy nhiên, trong Q3-Q4/2025 câu chuyện về AI sẽ vẫn là chủ đề đầu tư chính.
- Sự xoay chuyển vốn đầu tư thể hiện rõ rệt trong T6/2025. Hiệu suất lợi nhuận của ngành AI, Big Tech, bán dẫn (Semiconductor), và trung tâm dữ liệu (Data Center) bắt đầu dẫn dắt thị trường

Hiệu suất các Ngành TTCK Mỹ (YTD)



Hiệu suất các Ngành TTCK Mỹ (MTD)



ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Việt Nam hiện cho thấy bức tranh pha trộn giữa thách thức bên ngoài và động lực nội địa. Ngành sản xuất co hẹp dưới tác động của thuế quan và nhu cầu xuất khẩu giảm, trong khi chính sách tín dụng linh hoạt đang mở rộng không gian cho doanh nghiệp tiếp cận vốn. Đàm phán thương mại với Mỹ dù mang lại cơ hội tiếp cận thị trường mới nhưng cũng tạo ra căng thẳng với đối tác Trung Quốc. Trong bối cảnh ấy, chính sách tiền tệ duy trì sự thận trọng, sẵn sàng cung ứng thanh khoản nhưng không đánh đổi kiểm soát lạm phát, nhằm giữ ổn định tổng thể cho nền kinh tế.

Ngành sản xuất tiếp tục co hẹp

- PMI sản xuất ghi nhận tháng thứ ba liên tiếp **dưới mốc 50**, phản ánh sức ép từ thuế quan Hoa Kỳ và giảm cầu xuất khẩu

Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng đạt mục tiêu đề ra

- Dư nợ tín dụng toàn hệ thống ghi nhận tại 18/06 **tăng 7,14% so với cuối năm trước**, trong khi Chính phủ chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước xem xét gỡ **sớm hạn mức tín dụng** nhằm tạo điều kiện cho tăng trưởng cho vay linh hoạt hơn.

Đàm phán thương mại với Hoa Kỳ có nhiều tiến triển thuận lợi

- Mỹ sẽ áp mức thuế nhập khẩu **20%** với hầu hết hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam, và tăng lên **40%** đối với các sản phẩm bị xác định là "trung chuyển. Đổi lại, Việt Nam đồng ý dành mức **thuế 0%** cho nhiều mặt hàng nhập khẩu từ Mỹ, mở rộng tiếp cận thị trường cho xe ô tô phân khối lớn và một số ngành chủ lực khác của Hoa Kỳ. Trung Quốc cho biết đang xem xét thỏa thuận và **sẽ trả đũa** nếu các biện pháp đó làm tổn hại đến lợi ích của quốc gia này.

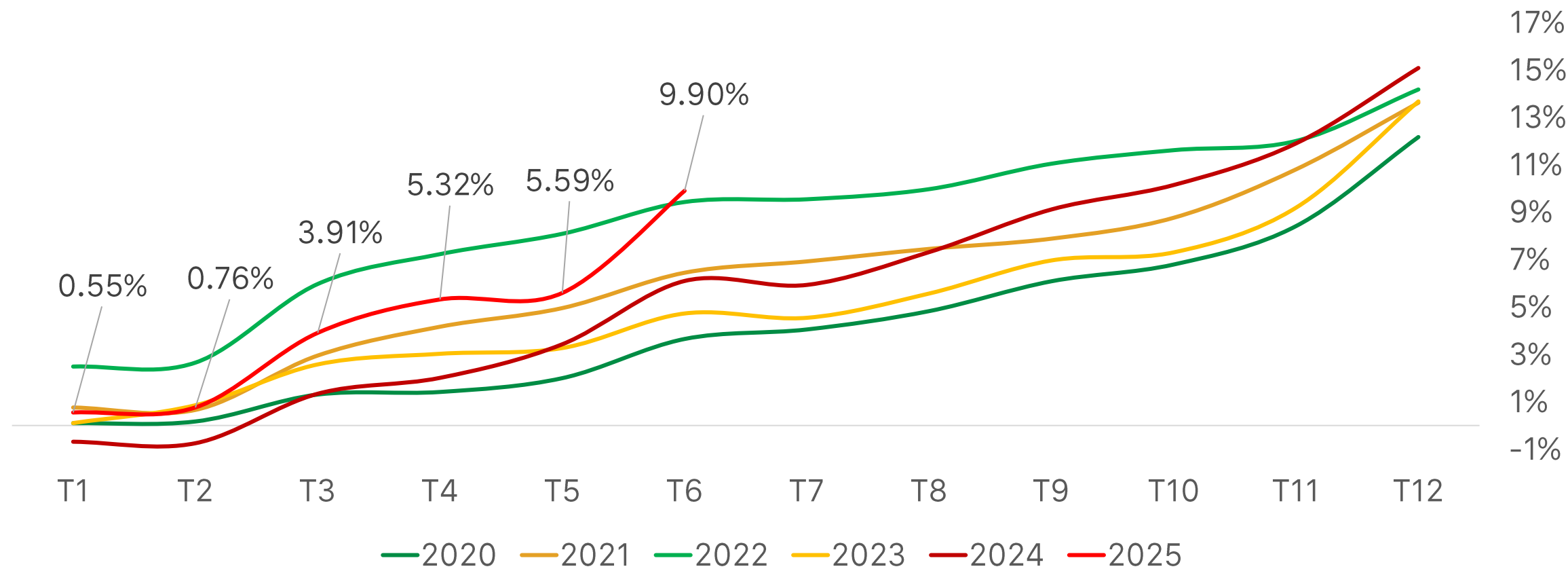
Chính sách tiền tệ thận trọng:

- Ngân hàng Nhà nước **duy trì** công cụ tái cấp vốn và **lãi suất điều hành ổn định**, sẵn sàng **tăng cường thanh khoản** qua các hoạt động OMO nếu cần, để vừa hỗ trợ tăng trưởng vừa kiểm soát lạm phát.

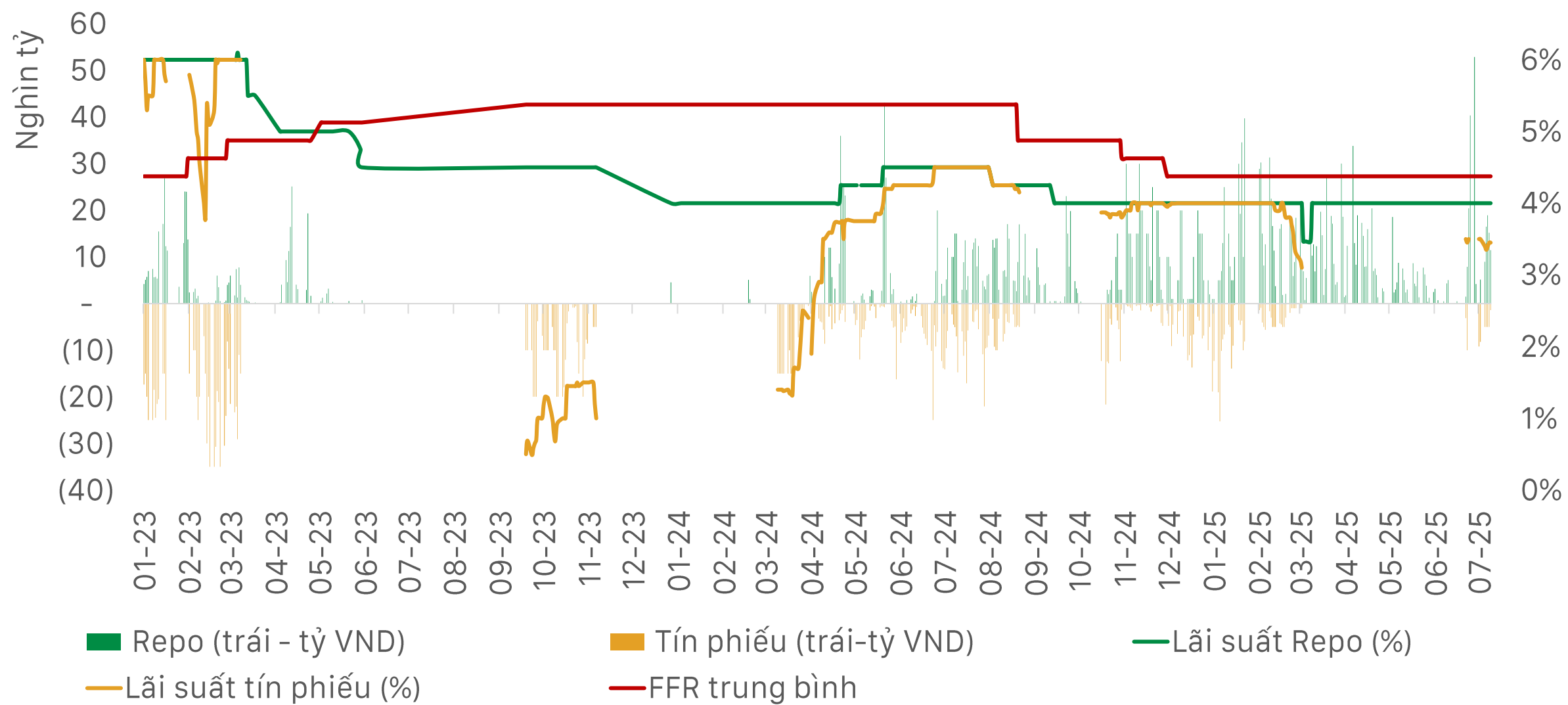
TÍN DỤNG GHI NHẬN TĂNG TRƯỞNG MẠNH VỚI THANH KHOẢN VÀ LÃI SUẤT ỔN ĐỊNH



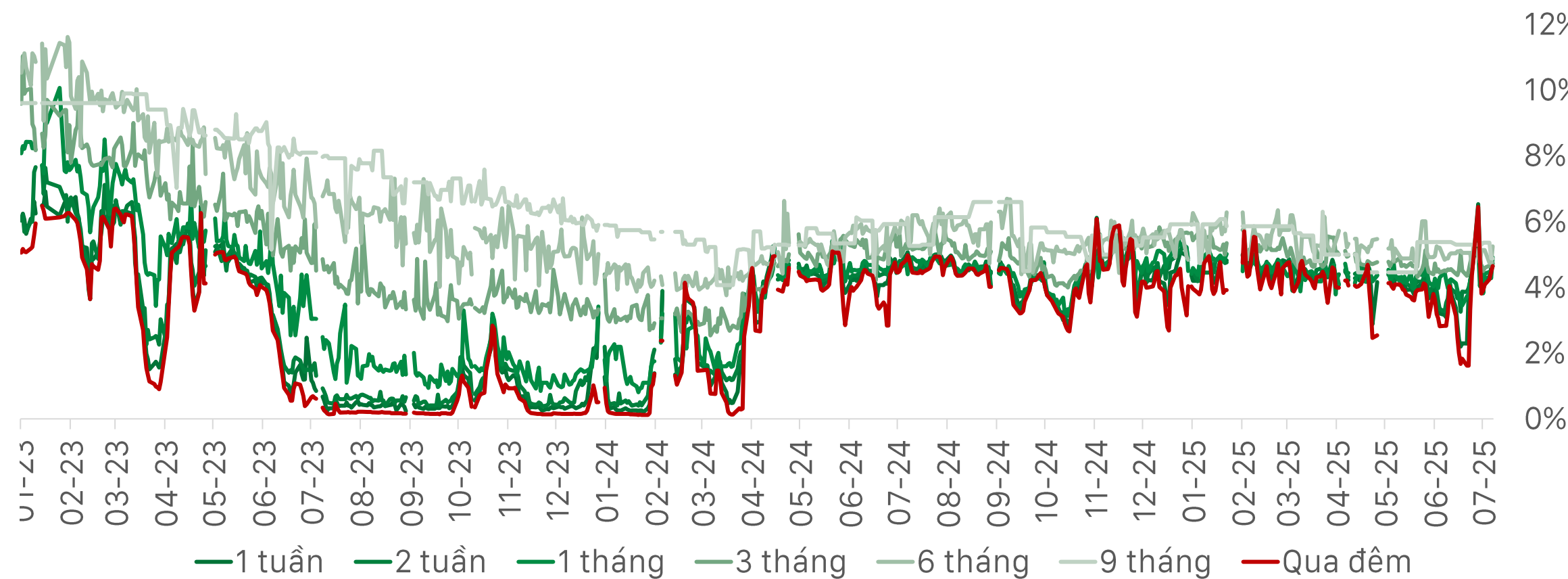
Dư nợ tín dụng ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ, mục tiêu tăng trưởng tín dụng 16% trong năm 2025 nằm trong tầm tay.



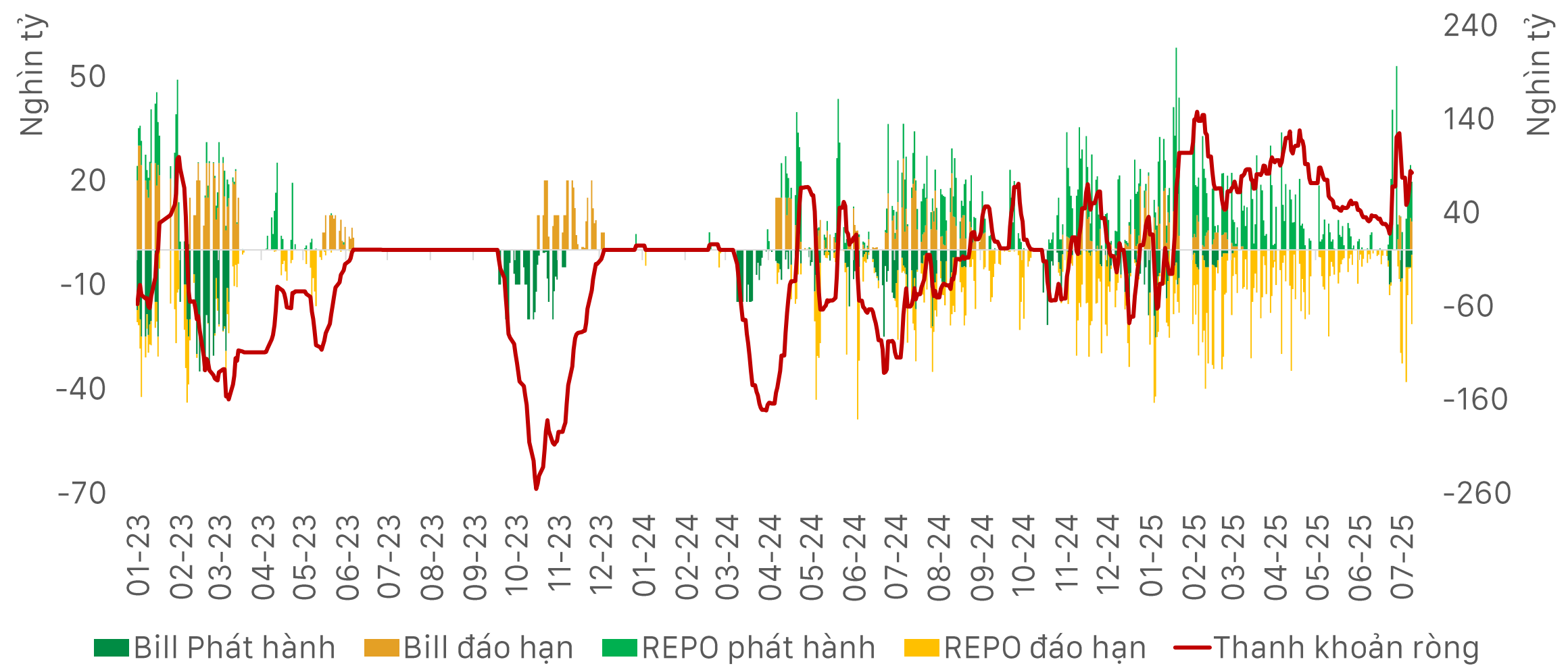
Lãi suất được duy trì kiểm soát trong biên độ. Thị trường mở ghi nhận bơm ròng gần 50 nghìn tỷ ở mức lãi suất giao động từ 3,4% - 4%.



Thanh khoản ổn định hỗ trợ lãi suất LNH duy trình mức thấp quanh mức 3,8% - 4.8%.



Thanh khoản tiếp tục được hỗ trợ. Ghi nhận lượng thanh khoản Ngân hàng nhà nước bơm ròng vào hệ thống ước đạt hơn 82 nghìn tỷ vào thời điểm cuối ngày 11/07.

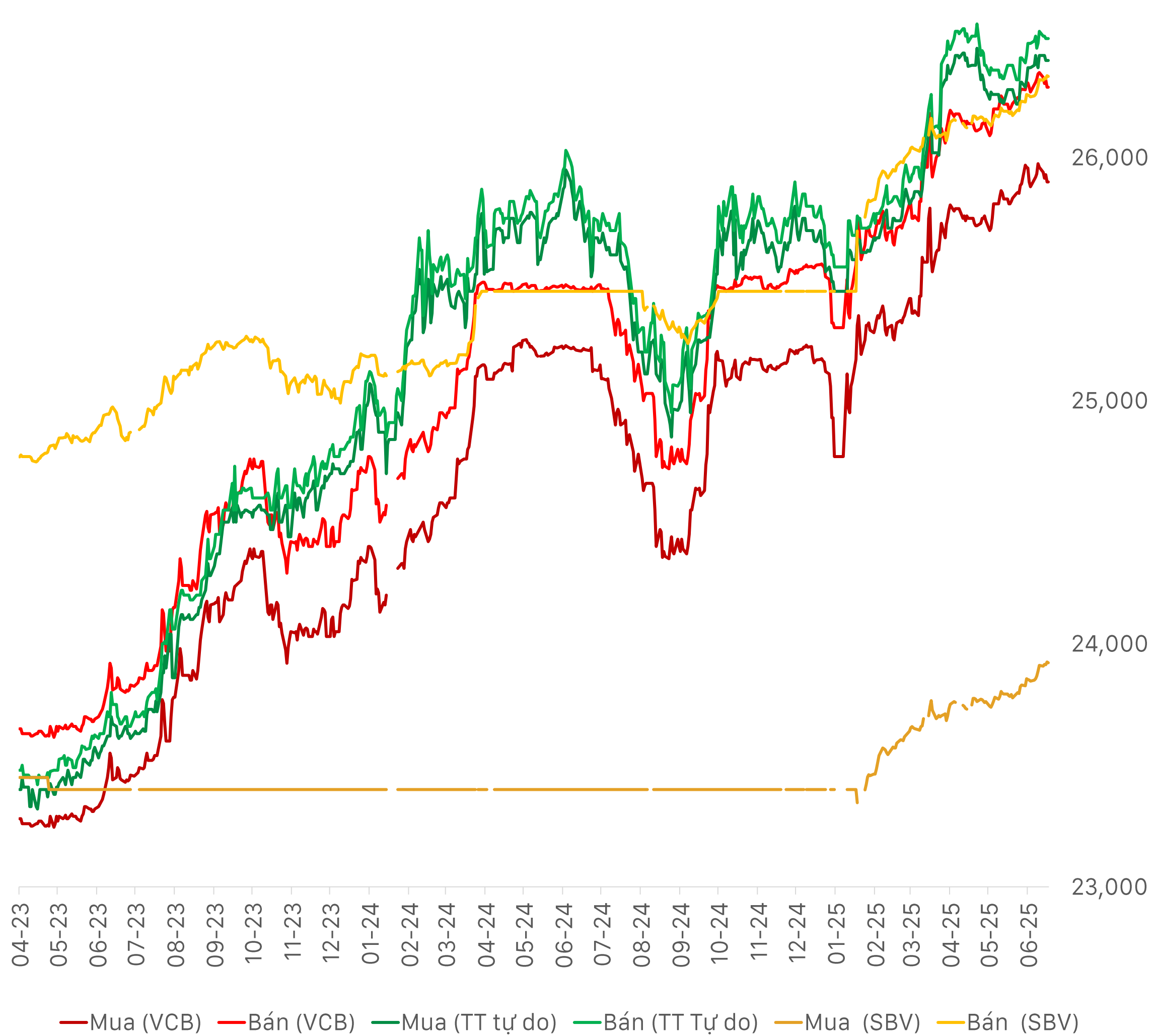
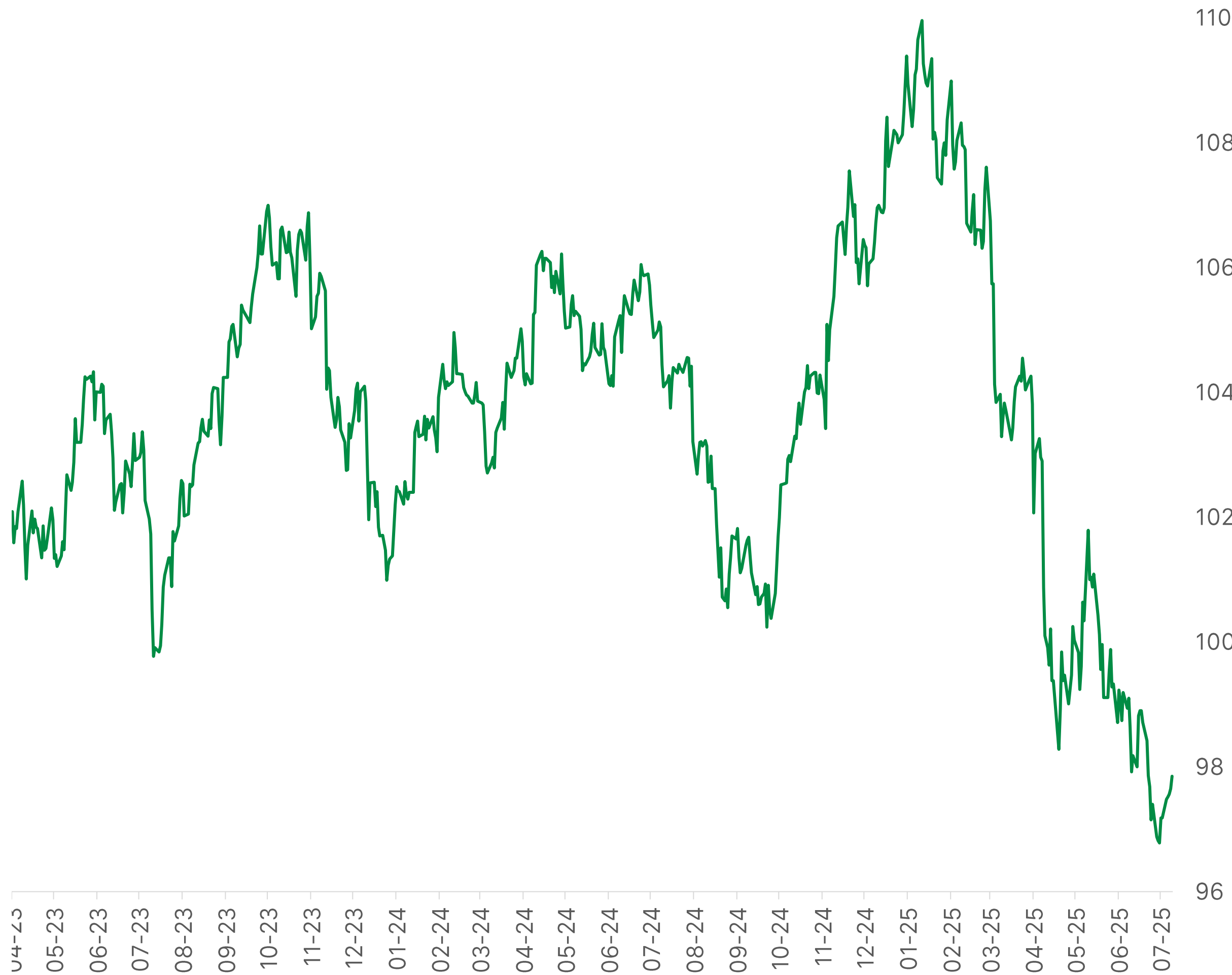


DXY CÓ DẤU HIỆU PHỤC HỒI NHẸ NHƯNG TỶ GIÁ TRONG NƯỚC ĐÃ DẦN ỔN ĐỊNH



DXY ban đầu giảm dưới áp lực kỳ vọng nới lỏng chính sách và lo ngại thuế quan, rồi bật tăng trở lại nhờ dữ liệu việc làm sát kỳ vọng phản ánh sự đan xen giữa tâm lý rủi ro và sức mạnh nội tại của USD.

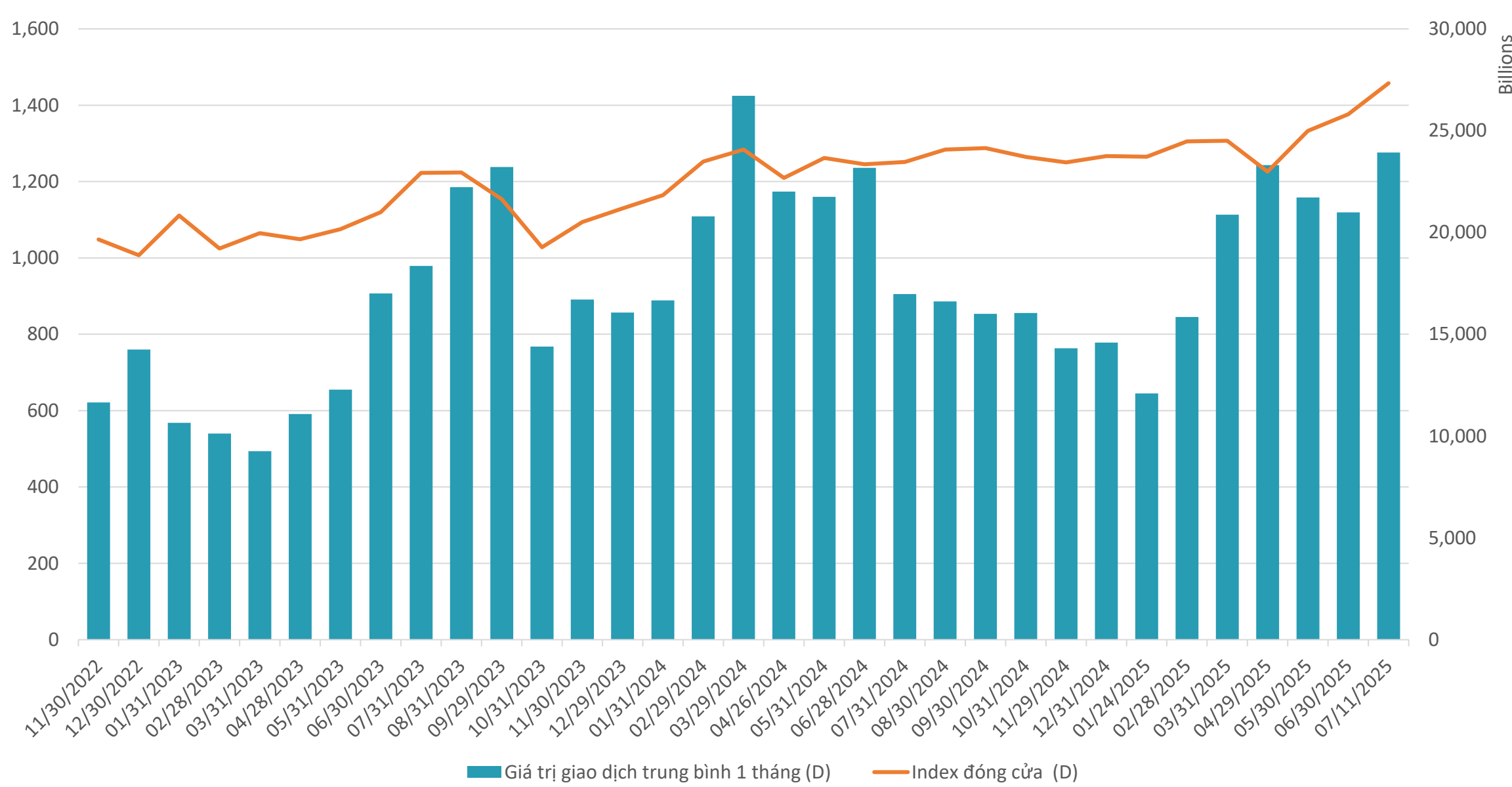
Tỷ giá trong nước tuần qua duy trì ổn định trong biên độ hẹp sau đà tăng nóng. Phản ánh kỳ vọng từ thặng dư thương mại được duy trì và FDI ổn định.



Đồ thị ngày VN-Index



Thanh khoản thị trường duy trì tăng trưởng cao



- Trong tuần qua, thanh khoản thị trường liên tục tạo đột biến và có phiên vượt 30 ngàn tỷ đồng. Chỉ số Index tăng vượt hơn 50 điểm nhờ dòng tiền đổ mạnh vào nhóm cổ phiếu cổ phiếu lớn mà đại diện là nhóm VIC, VHM, HPG, FPT, VCB.
- Tính theo tuần VN-Index đã có tuần thứ 4 tăng điểm liên tiếp và đường giá đang tăng theo kiểu dốc đứng. Dòng tiền giao dịch nhiều nhất ở nhóm ngân hàng, chứng khoán nhờ kỳ vọng room tín dụng mở rộng và nâng hạng thị trường. Tuy nhiên các phiên cuối tuần dòng tiền chuyển hướng sang vài nhóm cổ phiếu nhỏ lẻ và đẩy mạnh chỉ số Index thông qua các Big cap.

- Đường giá Vnindex đã có 1 tuần tạo chu kỳ tăng ngắn hạn thẳng đứng với xung lực khá mạnh mẽ. Các chỉ báo ngắn hạn cho thấy thị trường đang ở trạng thái quá mua với RSI vượt 86 và đường giá hướng dốc rất cao cách xa đường MA20.
- Vùng kháng cự 1500 quan trọng nhất với Vnindex trong tuần tiếp theo vì đây là đỉnh cao lịch sử. Tuy nhiên bối cảnh thị trường hiện tại khác khá nhiều với giai đoạn đầu 2022. Vnindex có thể xuất hiện vài rung lắc khi tiến về vùng này nhưng mặt bằng giá chung của chỉ số đã nâng lên tăng cao mới so với trước đây.



PE thị trường hiện quanh 13.5 thấp hơn giai đoạn đầu 2024



Chu kỳ tháng 6,7 năm nay duy trì đà tăng trưởng như 2014-2016

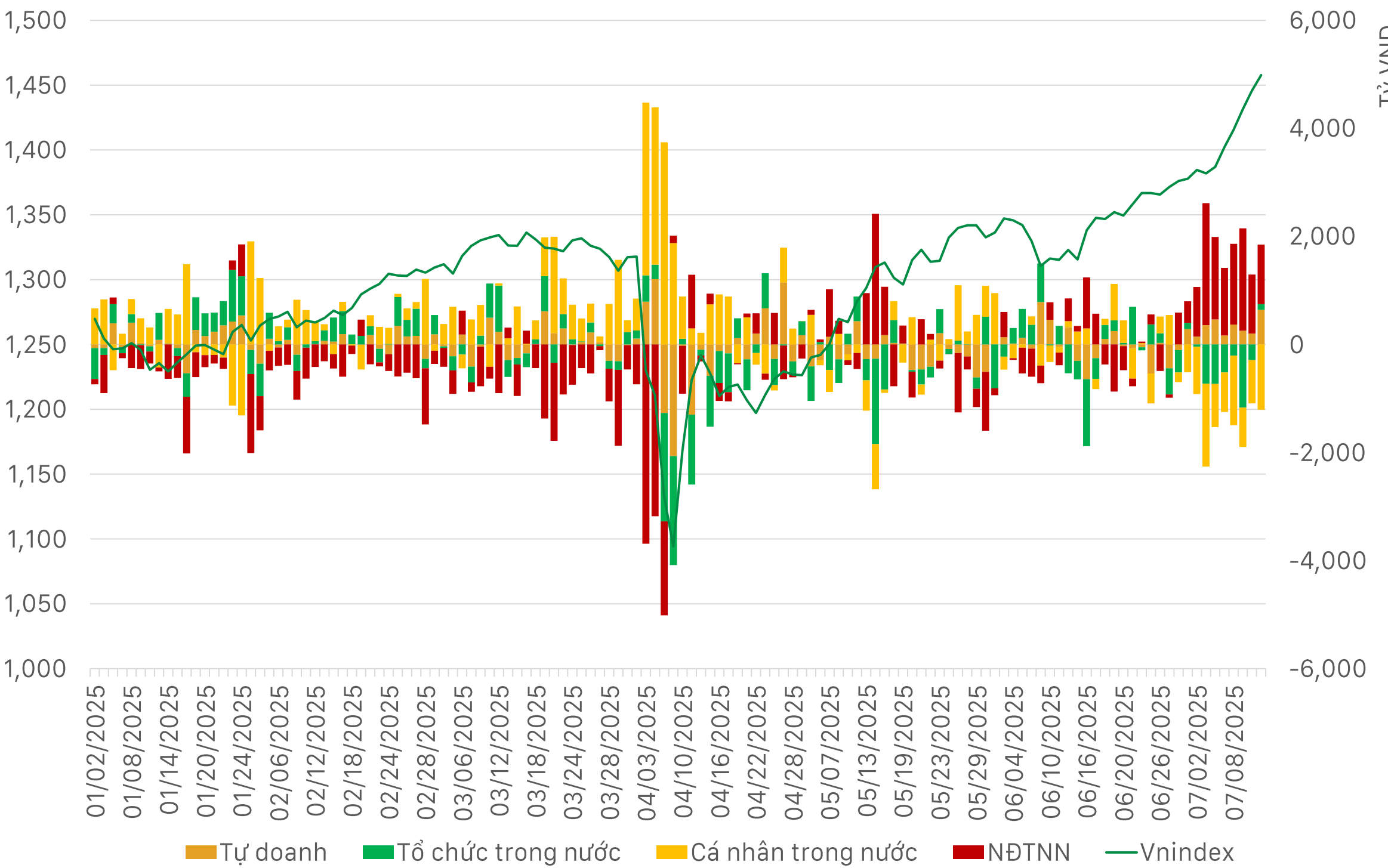


- Định giá PE thị trường hiện ở mức trên 14, tuy nhiên còn cách mức khá xa so mức PE gần 18 ở thời điểm Vnindex 1500 năm 2022
- Chu kỳ thị trường các tháng 6,7 hàng năm thường xu hướng tăng đặc biệt là ở các năm thị trường hồi phục sau giai đoạn suy thoái. **Chỉ số VN-Index năm nay khả năng lặp lại xu hướng năm 2023 với diễn biến tích cực trong hai tháng liên kế.**

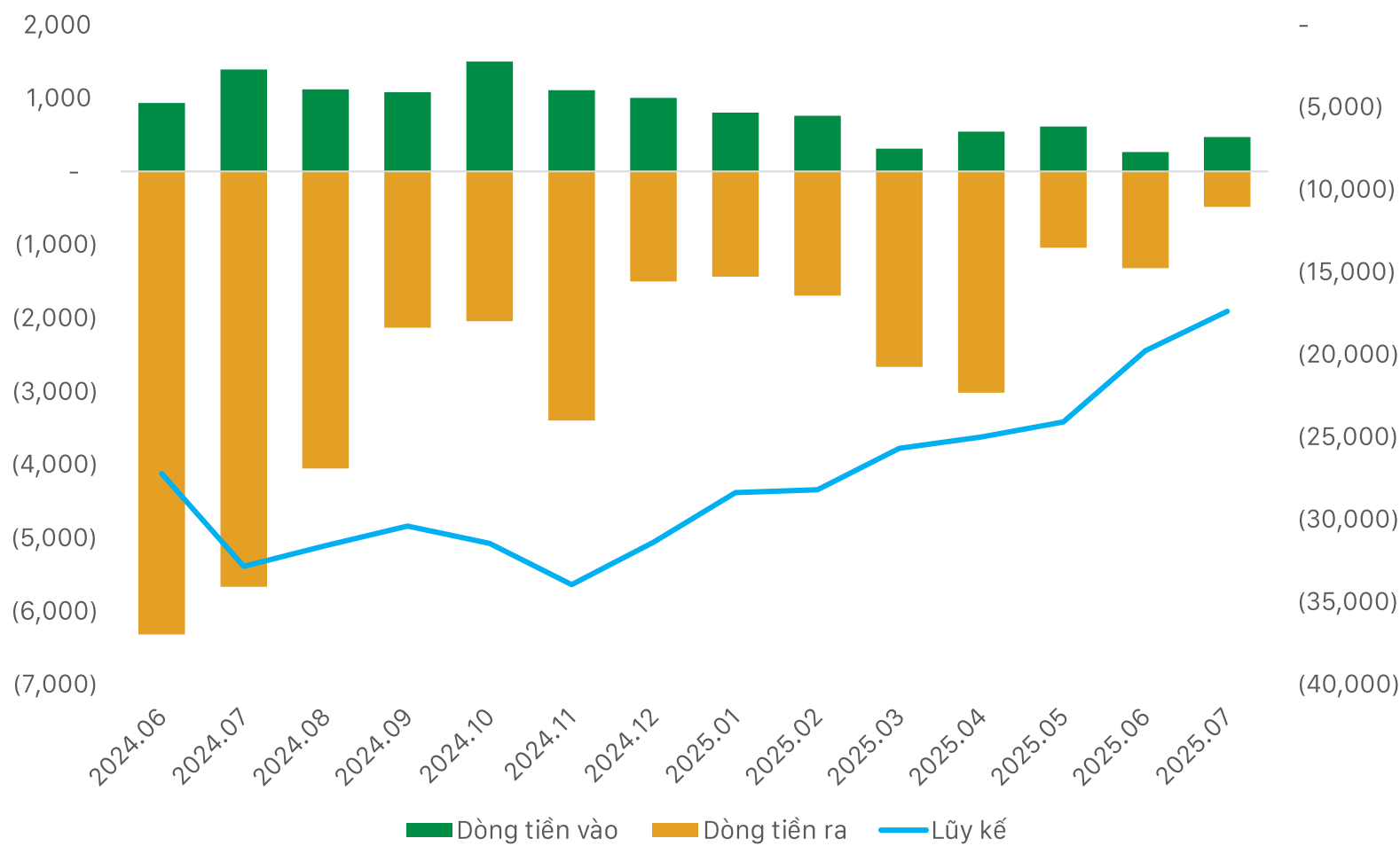
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,457.76	14.31	5.1%	10.8%
Dầu khí	78.67	33.40	2.1%	7.2%
Hóa chất	276.12	18.75	1.6%	8.7%
Tài nguyên Cơ bản	437.78	20.74	8.0%	12.8%
Xây dựng và Vật liệu	381.48	10.87	-0.3%	-0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	469.60	15.55	-2.1%	-2.1%
Ô tô và phụ tùng	500.16	39.59	2.8%	4.4%
Thực phẩm và đồ uống	868.82	17.66	0.8%	5.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	145.31	11.19	1.0%	6.4%
Y tế	978.11	15.54	0.6%	2.2%
Bán lẻ	1,331.78	23.78	1.2%	7.8%
Truyền thông	684.80	-84.21	15.4%	16.9%
Du lịch và Giải trí	39.73	27.72	0.1%	3.7%
Viễn thông	965.32	38.23	1.3%	0.8%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5,776.59	16.12	1.1%	3.9%
Bảo hiểm	323.06	14.63	-0.5%	6.7%
Bất động sản	628.08	19.07	10.5%	15.3%
Dịch vụ tài chính	809.71	20.75	7.7%	15.7%
Ngân hàng	658.21	9.98	4.9%	12.0%
Công nghệ Thông tin	890.83	21.81	3.2%	8.5%

- Trong mức tăng từ 1390 – 1457 tuần qua ghi nhận sự tăng trưởng nổi bật nhất của nhóm ngành thép, Bất động sản, chứng khoán và ngân hàng.
- Nhóm cổ phiếu ngân hàng đang tích lũy dự báo tiếp tục đà tăng trưởng trong các tuần tới: OCB, STB, TCB, MBB. Các nhóm chứng khoán cũng dự báo có chuỗi tăng mới ở các nhóm cổ phiếu lớn. Các cổ phiếu nhóm BDS đang duy trì đà tăng ổn định, đặc biệt ở nhóm cổ phiếu lớn.

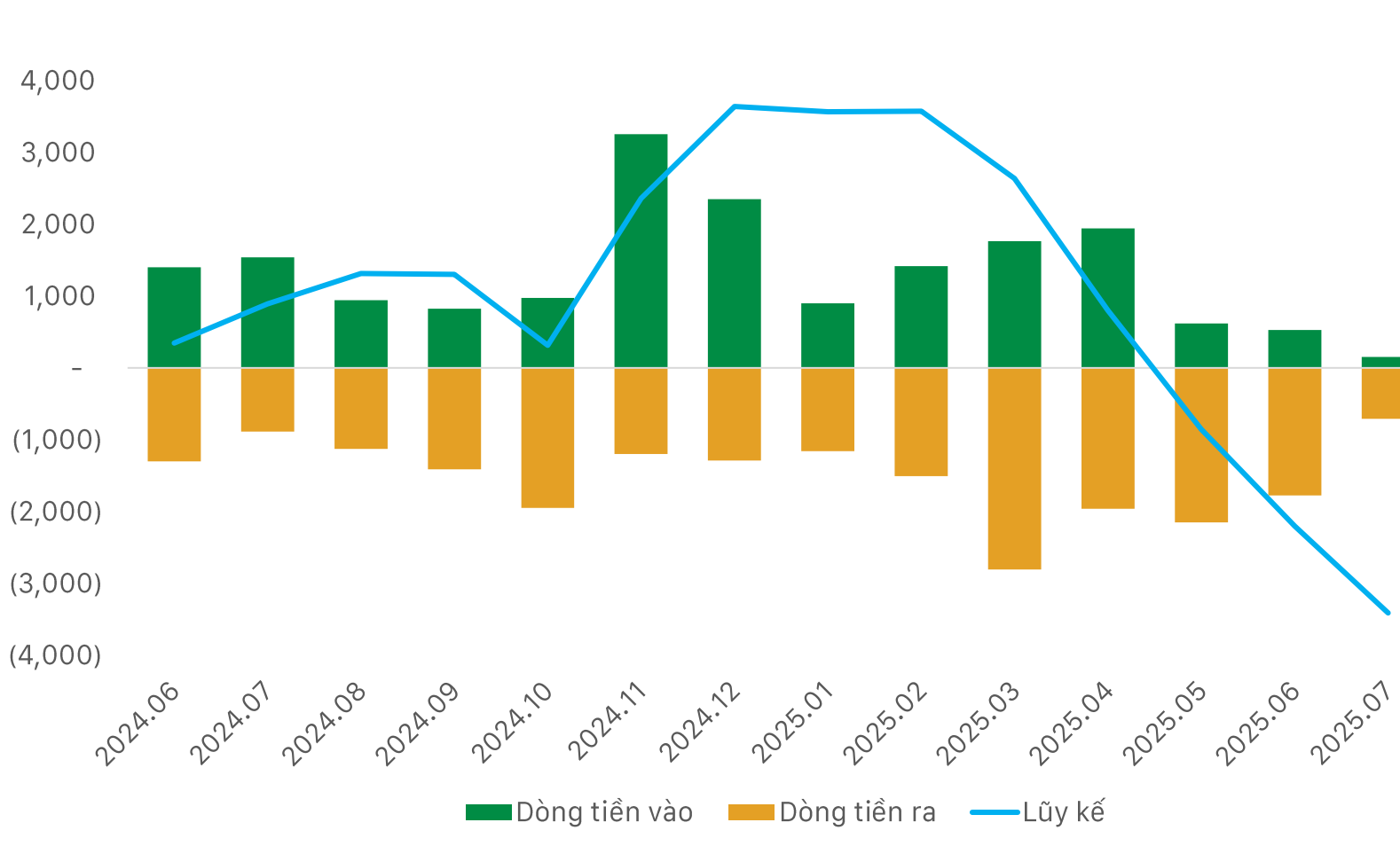
Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư



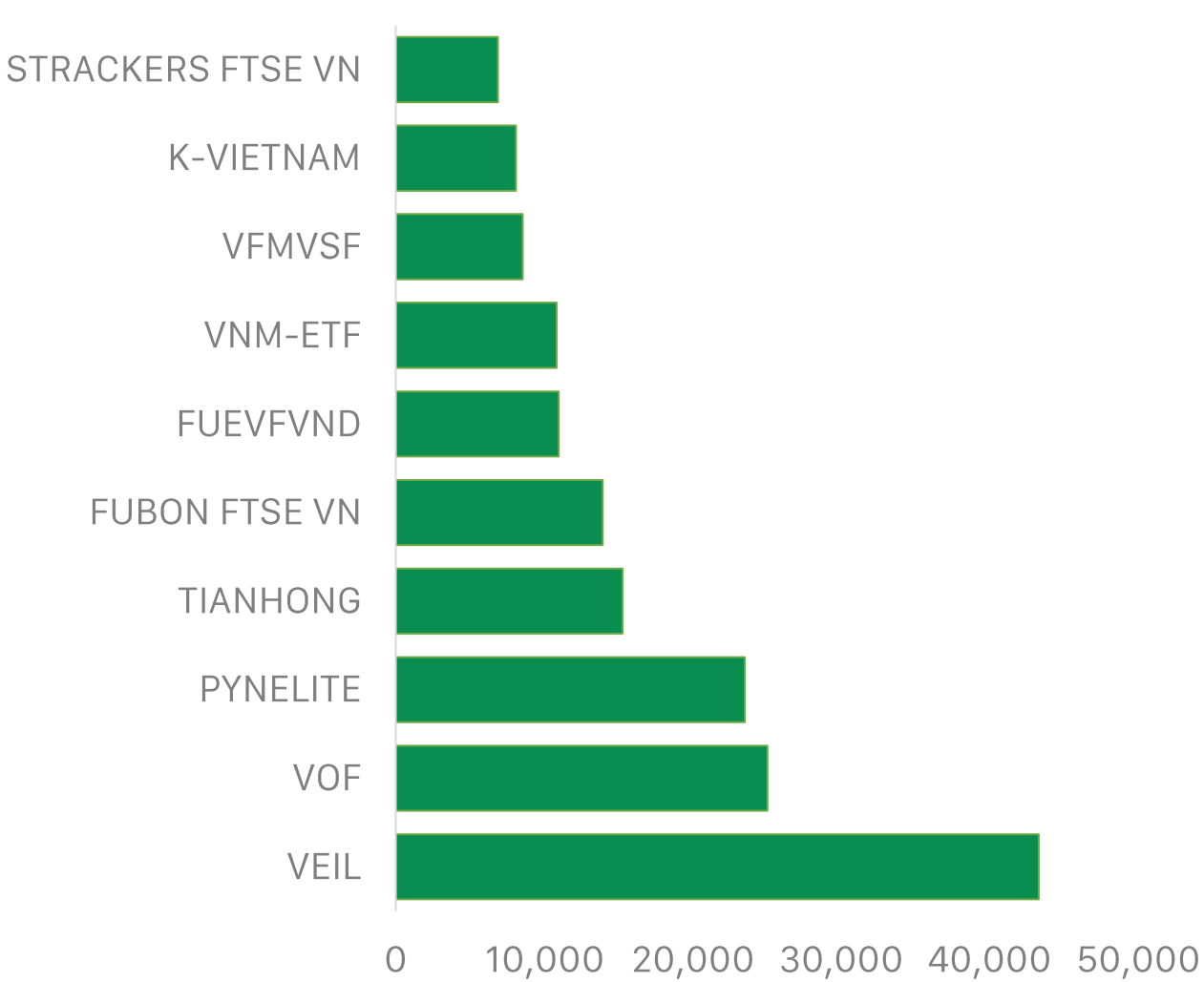
Dòng tiền của quỹ ETF (tỷ VND)



Dòng tiền của quỹ chủ động (tỷ VND)



Top 10 tài sản ròng (tỷ VND)

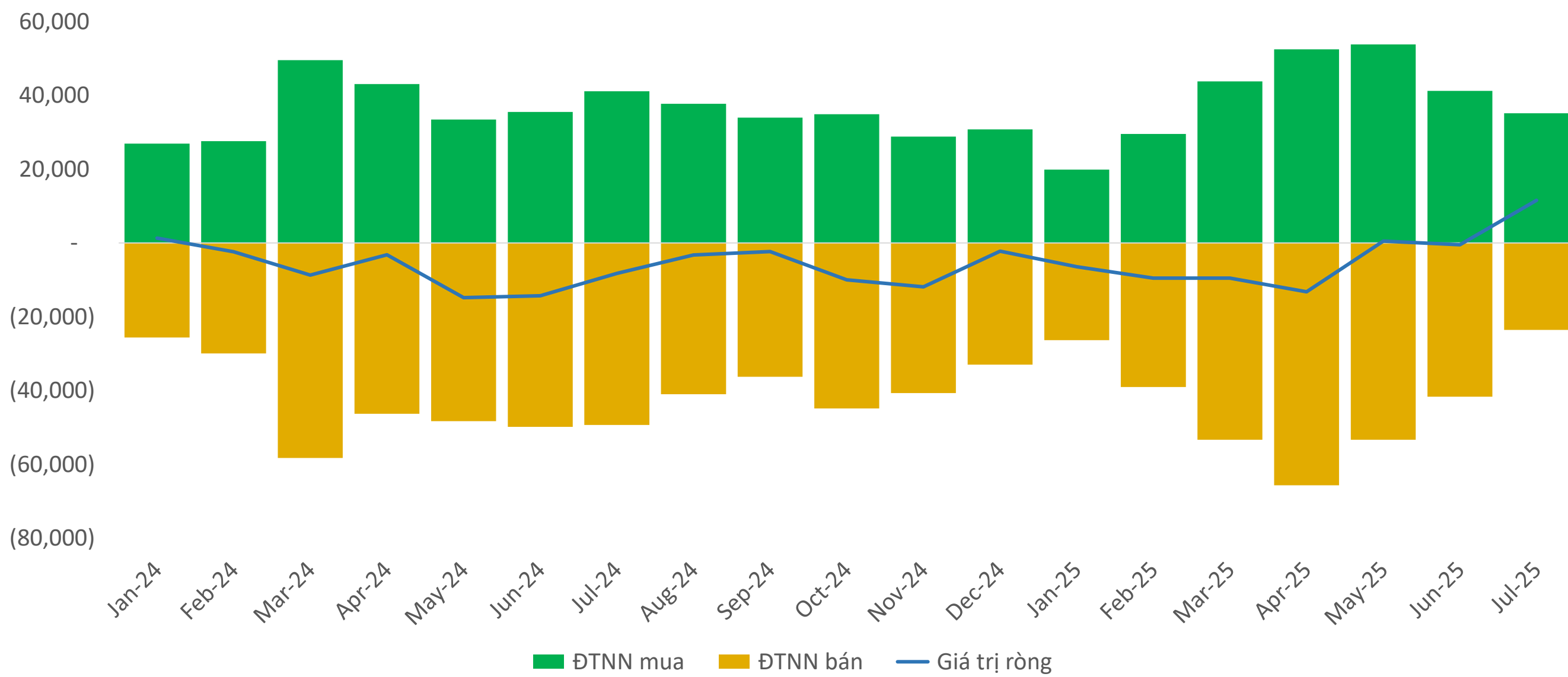


- Dòng vốn vào thị trường châu Á có sự trái chiều khi nhà đầu tư mua mạnh tại các thị trường lớn như Nhật Bản và Hàn Quốc và bán ròng nhẹ tại các thị trường Đông Nam Á như Thái Lan, Đài Loan, Việt Nam.
- Trong 6 tháng đầu năm 2025, các quỹ ETF tại Việt Nam bị rút ròng khoảng 7.9 nghìn tỷ đồng (tương đương ~303 triệu USD). Đà rút ròng gia tăng mạnh trong hai tháng 3 và 4 với tổng giá trị gần 5,000 tỷ đồng. Đến tháng 6 đà rút ròng chứng lại chỉ còn khoảng 1000 tỷ.**
- Áp lực từ đồng USD mạnh và lo ngại về thuế quan Mỹ (46% với hàng Việt Nam) khiến nhà đầu tư nước ngoài rút vốn khỏi các quỹ ETF như DCVFM VNDiamond (-2,8 nghìn tỷ đồng từ tháng 3/2024), Fubon FTSE Vietnam (-970 tỷ đồng), và Xtrackers FTSE Vietnam (-389 tỷ đồng).
 - Biến động tỷ giá VND (tăng 1,64% từ cuối 2024 đến tháng 4/2025) và dự trữ ngoại hối thấp (2,6-2,8 tuần nhập khẩu) làm giảm sức hấp dẫn của thị trường.
- Tháng 7/2025 ghi nhận tín hiệu tích cực với dòng vốn vào ròng hơn 10 ngàn tỷ đồng. Đây là dòng tiền đầu cơ có thể là đón đầu thông tin sắp nâng hạng của thị trường.**
- Kỳ vọng nâng hạng thị trường từ cận biên lên mới nổi (dự kiến tháng 9/2025) có thể thu hút dòng vốn ETF lên đến 1,5-1,7 tỷ USD nếu thành công.**

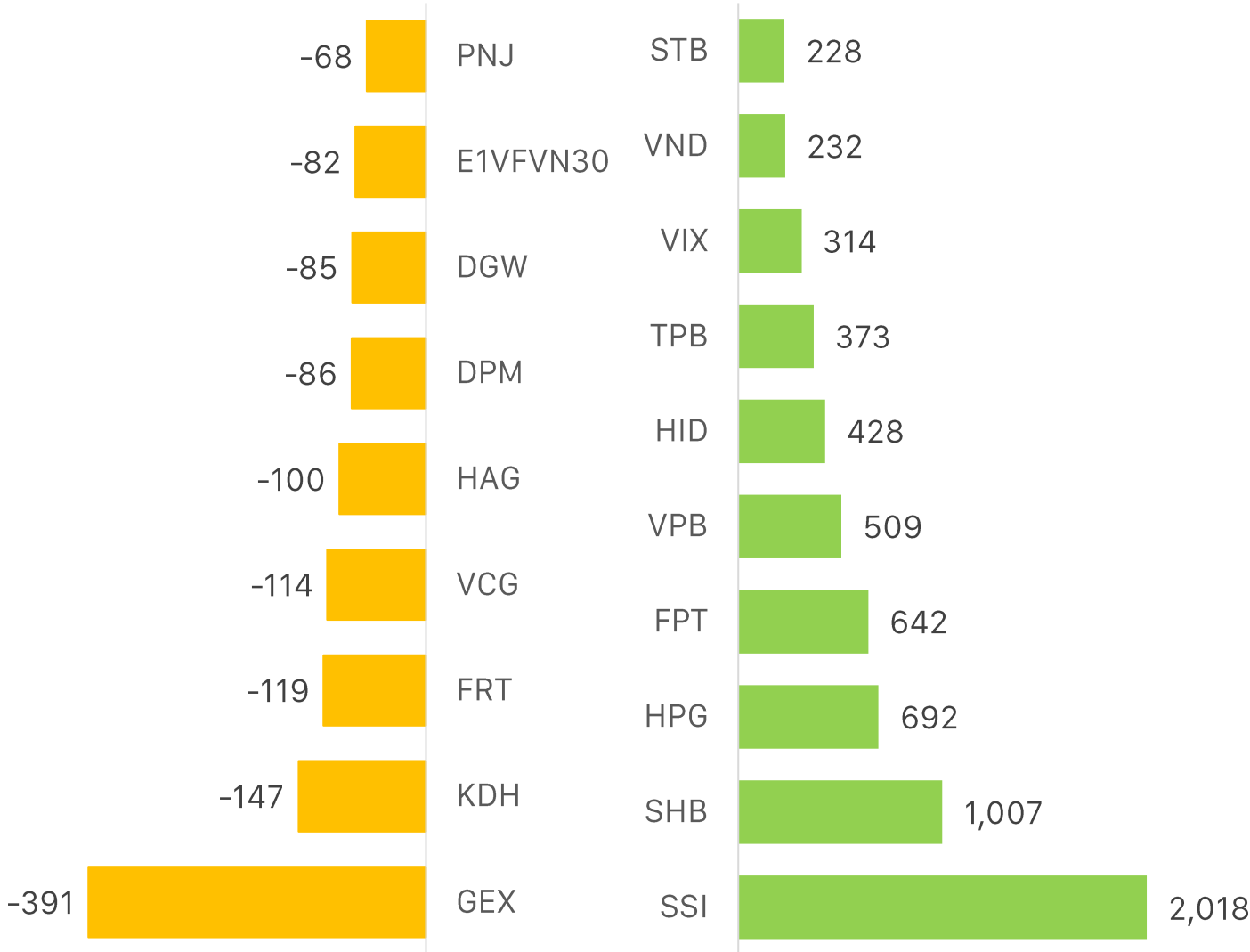
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI CHUYỂN SANG MUA RÒNG MẠNH TRONG TUẦN



Giá trị mua bán khối ngoại theo tháng (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



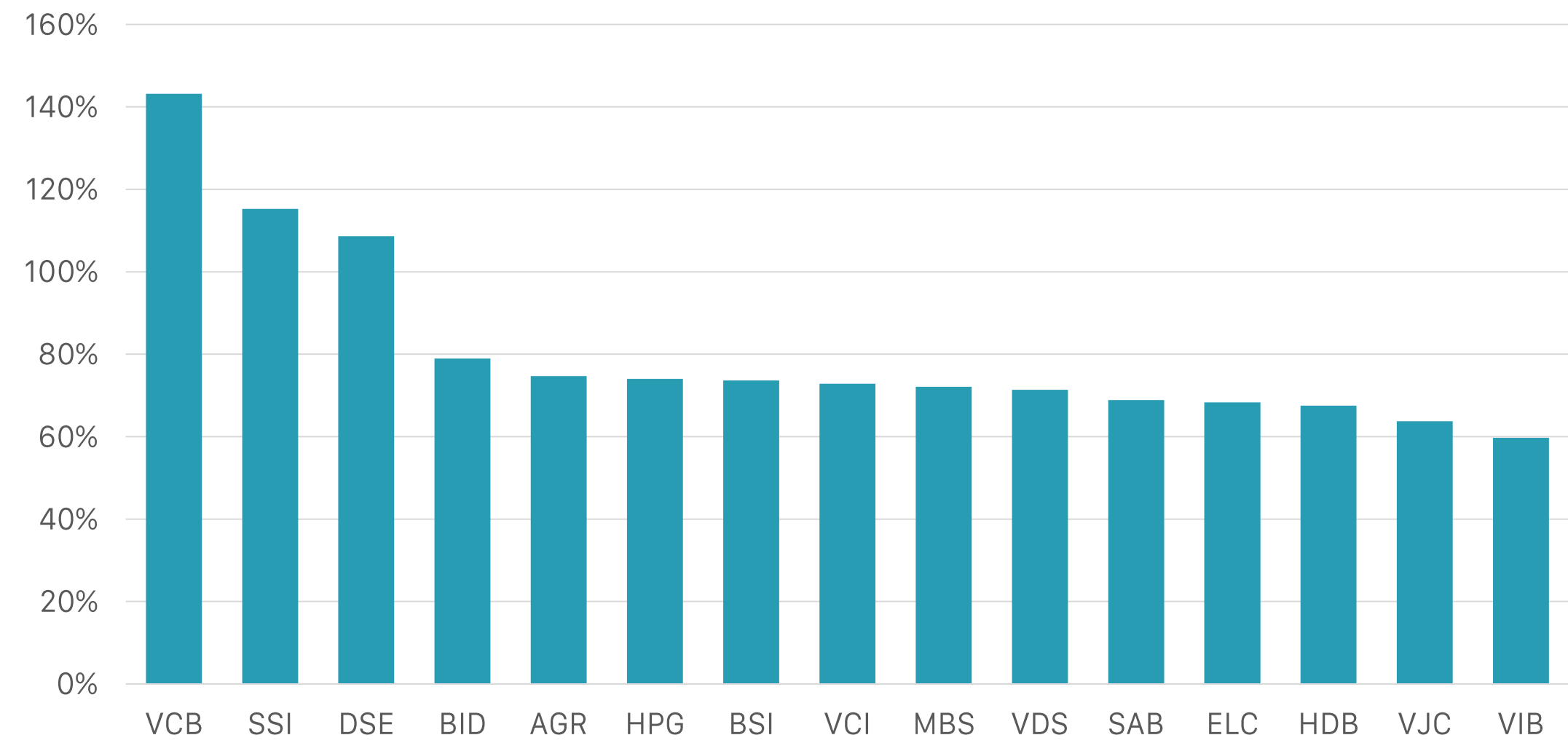
- Trong tuần vừa qua khối ngoại có tuần thứ hai mua ròng liên tiếp với tổng giá trị hơn 6,835 tỷ đồng. Đây là tuần lễ thứ hai mua ròng liên tiếp của khối ngoại.
- Khối ngoại tập trung mua mạnh ở nhóm chứng khoán và ngân hàng chiếm hơn 80% giá trị mua ròng bao những cổ phiếu đầu ngành như SSI, VIX, VND ở nhóm chứng khoán và SHB, VPB, TPB,STB. Ngoài khối ngoại còn mua mạnh các blue chip HPG, FPT.
- Chiều ngược lại khối ngoại bán ròng mạnh nhất GEX và nhóm KDH, FRT, VCG, HAG, DPM.

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Tuần trước	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	25.5%	22.3%	STB, MBB, TCB, ACB, OCB	
Bất động sản	16.9%	21.8%	DIG, DXG, NLG, NVL	
Dịch vụ tài chính	24.1%	17.5%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Công nghệ Thông tin	4.9%	8.4%	FPT, CMG, ELC	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.4%	7.4%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Thực phẩm và đồ uống	6.9%	7.0%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	5.3%	5.9%	CII, HHV, VCG	
Tài nguyên Cơ bản	7.8%	4.2%	HPG, HSG, NKG	
Hóa chất	4.9%	4.0%	DPM, DCM, GVR	
Bán lẻ	2.3%	3.9%	MWG, DGW, PET	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.2%	1.9%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	1.4%	1.5%	PVD, PVS	
Ô tô và phụ tùng	0.8%	1.5%	HHS, HUT	
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.8%	1.2%	TCM, TNG, PNJ	
Du lịch và Giải trí	1.5%	1.2%	HVN	
Viễn thông	0.2%	0.4%	VGI	
Truyền thông	0.2%	0.2%	YEG	
Bảo hiểm	0.1%	0.2%	BVH	
Y tế	0.2%	0.2%	DCL, DBD	

- Dòng tiền trong tuần qua tập trung mạnh nhóm ngân hàng và quay lại nhiều hơn vào nhóm chứng khoán. Đây là hai nhóm ngành dẫn đầu thu hút dòng tiền của thị trường.
- Nhóm chứng khoán ghi nhận dòng tiền đang vào tập trung ở nhóm cổ phiếu lớn như SSI, VND, VIX, HCM, FTS.
- Top cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh trong tuần qua: VCB, SSI, BID, HPG, VCI

Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh tăng trưởng KLGD so với tuần trước)



CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT



Nhóm cổ phiếu hướng về nội địa vẫn đáng chú ý, như xu hướng dòng tiền đã chỉ ra nhóm Ngân hàng, Chứng khoán và Bán lẻ đang được thị trường yêu thích.

Danh mục cổ phiếu quan tâm: SSI, TCB, MWG, HPG

❑ Ngân hàng, chứng khoán: TCB, SSI

❑ Bán lẻ, thép: MWG,HPG

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
1	SSI	35,000	18%	1484	20	- Có lợi thế về thương hiệu, uy tín, và thị phần hàng đầu thị trường - SSI hiện vẫn là công ty có thương hiệu lớn nhất ngành chứng khoán và đón đầu cơn sóng đầu tư mới về tài sản số. Vừa qua các công ty thành viên thuộc SSI cùng với hai công ty tài sản số Tether, U2U Network và Amazon Web Services (AWS) đã ký kết hợp tác nhằm thúc đẩy xây dựng hệ sinh thái hạ tầng tài chính số, Blockchain và điện toán đám mây tại Việt Nam.
2	TCB	40,000	14.4%	3,013	11.60	- Phục hồi của thị trường bất động sản và kỳ vọng niêm yết TCBS sẽ hỗ trợ đà tăng giá cổ phiếu TCB. - Nhu cầu vay thế chấp cùng việc thu hồi lãi trả chậm từ danh mục cho vay linh hoạt giúp NIM dự kiến phục hồi hơn 20bps đến năm 2026. Thu nhập phí bất đầu cải thiện nhờ hợp đồng bancassurance mới ký với AIA và TCA. - TCBS có lợi nhuận ròng năm 2024 đạt 3,85 nghìn tỷ đồng, định giá khoảng 73 nghìn tỷ đồng (~30% vốn hóa TCB), dựa trên mức P/E tương đương nhóm công ty chứng khoán hàng đầu.
3	MWG	75,000	13.1%	2,977	22.27	- MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng. - BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY. - MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động. - MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.
4	HPG	30,000	15%	1,953	13.3	- HPG hiện là tập đoàn thép hàng đầu Việt Nam. Hòa Phát nổi bật trong nhóm thép xây dựng, chiếm 38% thị phần và dẫn đầu toàn ngành. Với HRC – một trong hai doanh nghiệp nội địa sản xuất sản phẩm này – Hòa Phát lần đầu tiên vượt Formosa, chiếm vị trí số một thị phần kể từ tháng 3/2025. Hiện tại HPG đang hưởng lợi từ chính sách thuế chống bán phá giá thép HRC. - Là tập đoàn lớn nhưng định giá HPG khá hấp dẫn khi PE chỉ khoảng 13.3, P/Bv tương đương 1.5. - Năm nay kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng và vượt lợi nhuận trên 15 ngàn tỷ vượt xa mức thực hiện năm 2024

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	40,000
% tăng giá	14.4%
Vùng giá mua	33,000 – 35,000
Giá dừng lỗ	29,000

Phân tích kỹ thuật

TCB đã vượt lên đỉnh cao nhất và hiện dao động quanh vùng giá 35,000. TCB vẫn đang trên kênh giá tăng trung hạn và chưa xuất hiện tín hiệu đảo chiều dù các chỉ báo cho thấy TCB đang ở trong vùng quá mua.

Giá TCB có thể dao động quanh vùng 35,000 một thời gian. Vùng mua quanh 33,000-35,000. Mục tiêu từ 1-3 tháng là vùng giá 40,000.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Techcombank là một trong những ngân hàng thương mại lớn nhất thị trường Việt Nam. Techcombank liên tục được vinh danh trong Top 10 Ngân hàng Thương mại Việt Nam uy tín, Top 100 Ngân hàng Thế giới, và nhiều giải thưởng quốc tế.
- Vốn điều lệ của Techcombank đạt 78,413 tỷ đồng thuộc nhóm top đầu. Hiệu quả kinh doanh của TCB rất ấn tượng với lợi nhuận hàng năm trên 20 ngàn tỷ đồng. Tỷ lệ CASA của Techcombank duy trì tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) cao nhất trong ngành 36%, giúp giảm chi phí vốn và tăng hiệu quả kinh doanh. Ở chất lượng tài sản, TCB duy trì tỷ lệ nợ xấu thấp (1.1% năm 2024) và tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao (113,94%) cho thấy khả năng kiểm soát chất lượng tín dụng vượt trội.
- Theo kế hoạch 2025, Techcombank đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 31,500 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm trước. Để đạt được kết quả này, Techcombank dự kiến tăng trưởng tín dụng ở mức 16.4%. Bên cạnh đó, Techcombank cũng trình cổ đông phương án phát hành hơn 21.38 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Nếu phát hành thành công, vốn điều lệ sẽ tăng lên hơn 70.862 tỷ đồng.
- Câu chuyện của TCB hấp dẫn năm nay nằm ở kế hoạch IPO TCBS. Hiện tại, TCBS có vốn điều lệ 20,802 tỷ đồng. Công ty dự kiến chào bán 231,2 triệu cổ phiếu. Nếu chào bán thành công, vốn điều lệ của TCBS sẽ tăng lên 23.113 tỷ đồng. TCBS hiện do Techcombank sở hữu 94,07% cổ phần. Việc IPO thành công TCBS sẽ mang lại lợi thế lớn cho TCB.



TCB	2020	2021	2022	2023	2024	Q1.2025
Vốn chủ sở hữu	74,615	93,041	113,425	131,616	147,940	153,953
Vốn điều lệ	35,049	35,109	35,172	35,225	70,649	78,413
Thu nhập lãi thuần	18,751	26,699	30,290	27,691	35,508	8,305
Lợi nhuận sau thuế	12,582	18,415	20,436	18,191	21,760	6,014
EPS	3,510	5,131	5,729	5,111	3,041	842
Tỉ lệ CASA	44.3%	47.0%	34.3%	38.0%	35.9%	33.7%
P/B	2.3	1.1	1.1	0.7	1.5	1.4
BVPS (VND)	21,151	26,259	31,927	36,990	20,583	21,425
ROE (%)	18.1%	21.7%	19.7%	14.8%	15.6%	14.7%
NIM (%)	4.9%	5.7%	5.3%	4.0%	4.2%	4.0%
LDR (%)	99.2%	109.2%	116.0%	112.7%	116.9%	123.2%
Chi phí/ Thu nhập (%)	32.8%	30.1%	32.1%	33.1%	32.7%	28.3%
Tỉ lệ nợ xấu (%)	0.5%	0.7%	0.7%	1.2%	1.1%	1.2%
Dự phòng RR tín dụng/ Nợ xấu	171.0%	162.9%	157.3%	102.1%	113.9%	111.6%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	75,000
% tăng giá	13.1%
Vùng giá mua	64,000 – 66,000
Giá dừng lỗ	59,000

Phân tích kỹ thuật

MWG phục hồi từ vùng đáy 45,000 sau sự kiện tariff vào đầu tháng 4 và hiện đã vượt qua 60,000 hồi đầu năm. Xu hướng trung hạn MWG vẫn đang tăng trưởng với đường giá đã vượt lên trên MA 50 và MA200. Đỉnh giá cao nhất theo PTKT là 75,000 vào giữa năm 2022. Với yếu tố cơ bản hỗ trợ và đường giá đang trong kênh tăng trung hạn, MWG hướng về vùng giá mục tiêu 75,000 trong từ 1 đến 3 tháng.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) vừa công bố ghi nhận doanh thu 5 tháng đầu năm 2025 đạt 61.229 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2024 và hoàn thành 41% kế hoạch doanh thu cả năm. Đây là kết quả kinh doanh khả qua trong bối cảnh ngành bán lẻ đang cạnh tranh gay gắt và xu hướng tiêu dùng đang chững lại.

- Chuỗi Thế Giới Di Động (TGDĐ) và Điện Máy Xanh (ĐMX): đạt doanh thu 41.000 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ. Riêng tháng 5/2025, doanh thu đạt 8.400 tỷ đồng, mức cao nhất kể từ sau Tết Nguyên Đán. Các ngành hàng chủ lực như điện thoại, máy tính bảng và laptop ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng từ 20% - 50% so với cùng kỳ, nhờ nhu cầu công nghệ cao và chiến lược kinh doanh hiệu quả. MWG chủ động tổ chức các buổi sale liên tục kích cầu tiêu dùng và điều này tạo hiệu ứng thu hút khách hàng và tăng trưởng doanh thu.
- Chuỗi Bách Hóa Xanh (BHX): đạt doanh thu 18.900 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ, dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng trong các chuỗi kinh doanh của MWG. Tăng trưởng được thúc đẩy bởi hai nhóm ngành hàng chính: thực phẩm tươi sống và hàng tiêu dùng nhanh (FMCG). Chuỗi đã mở mới 410 cửa hàng, vượt kế hoạch đề ra (200 - 400 cửa hàng), với hơn 50% cửa hàng mới tập trung tại khu vực miền Trung. Các cửa hàng mới đạt lợi nhuận dương ở cấp độ cửa hàng sau khi trừ chi phí vận hành trực tiếp. Chuỗi BHX sẽ là chuỗi chủ lực của MWG trong thời gian tới và đóng góp doanh thu quan trọng.
- MWG hiện đang sở hữu 1.015 cửa hàng TGDĐ (bao gồm Topzone), 2.025 cửa hàng ĐMX, 2.180 cửa hàng BHX, 326 nhà thuốc An Khang, 62 cửa hàng AVA Kids và 107 cửa hàng Era Blue.



MWG	2020	2021	2022	2023	2024	2025Q1
Doanh thu (tỷ VND)	108,546	122,958	133,405	118,280	134,341	36,135
Lợi nhuận (tỷ VND)	3,918	4,899	4,100	168	3,722	1,546
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	23,954	27,632	30,862	22,521	27,499	7,200
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(594)	(674)	(1,362)	(1,448)	(1,137)	(323)
KLCP DLH (triệu CP)	453	713	1,464	1,463	1,462	1,462
VCSH (tỷ VND)	15,482	20,378	23,933	23,360	28,122	29,669
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	46,031	62,971	55,834	60,111	70,438	72,679
Book Value	34,160	28,578	16,349	15,963	19,232	20,290
EPS	8,644	6,870	2,801	115	2,545	2,985
ROE	25.3%	24.0%	17.1%	0.7%	13.2%	14.7%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	15,625	24,647	10,688	19,129	27,300	26,222
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	1,127	-	5,901	5,985	-	-
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	16,752	24,647	16,589	25,114	27,300	26,222
Nợ Vay/VCSH	108.2%	120.9%	69.3%	107.5%	97.1%	88.4%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	35,000
% tăng giá	18%
Vùng giá mua	28,000 – 29,000
Giá dừng lỗ	26,000

Phân tích kỹ thuật

SSI đang có sự bứt phá về giá mạnh trong 3 phiên gần đây từ vùng giá 23 lên đỉnh kháng cự gần 30. Hiện tại giá đang đi vào vùng quá mua với RSI vượt qua 70 và đang phát tín hiệu rung lắc nhẹ. Đường giá chưa xuất hiện tín hiệu đảo chiều. Các vị thế mua mới có thể mở khi giá rung lắc quanh vùng 28,000-29,000. Mục tiêu trung hạn từ 1 – 3 tháng là 35,000.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Trong quý I vừa qua, SSI đạt lợi nhuận 844 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với cùng kỳ. SSI đặt mục tiêu duy trì vị thế công ty chứng khoán số một Việt Nam và trở thành “cửa ngõ” kết nối nhà đầu tư quốc tế với thị trường Việt Nam. Chiến lược bao gồm: tăng vốn điều lệ lên 20.779 tỷ đồng (kế hoạch 2025) để mở rộng quy mô; đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cấp hệ thống giao dịch (hỗ trợ hệ thống KRX 2025).
- Vào quý II.2025 vừa qua, SSI xếp hạng thứ hai về thị phần môi giới với 10.86%. SSI duy trì vị thế thứ 2 trong bối cảnh doanh nghiệp liên tục thực hiện nhiều chương trình nhằm nâng cao trải nghiệm nhà đầu tư.
- SSI triển khai nhiều chương trình ưu đãi như miễn lãi suất margin, tặng quà cho khách hàng giao dịch... Sau chương trình vay margin T7 miễn lãi 7 ngày trong quý I, quý II tiếp tục ghi nhận sự ra mắt của gói New Margin 9% với lãi suất cạnh tranh.
- SSI còn được vinh danh là "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam" do tạp chí FinanceAsia trao tặng, và đồng thời nhận danh hiệu "Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2025" từ tạp chí Euromoney.
- Giá SSI hiện đang bứt phá mạnh từ vùng giá 23 và sắp vượt qua đỉnh cao nhất từ đầu năm 2024. Với việc VN kỳ vọng nâng hạng thì SSI là một trong những công ty hưởng lợi nhiều nhất và có cơ hội bứt phá xa hơn nữa.



SSI	2020	2021	2022	2023	2024	2025Q1
Doanh thu (tỷ VND)	4,367	7,443	6,336	7,158	8,529	2,159
Lợi nhuận (tỷ VND)	1,257	2,696	1,699	2,293	2,835	844
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	2,465	4,289	3,631	4,723	5,241	1,534
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(829)	(1,030)	(1,031)	(1,570)	(1,506)	(466)
KLCP DLH (triệu CP)	603	985	1,491	1,501	1,964	1,964
VCSH (tỷ VND)	9,873	14,220	22,384	23,241	26,827	27,703
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	35,770	50,793	52,226	69,241	73,507	84,044
Book Value	16,374	14,440	15,011	15,482	13,660	14,107
EPS	2,085	2,738	1,140	1,527	1,444	1,484
ROE	12.7%	19.0%	7.6%	9.9%	10.6%	10.5%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	23,351	31,121	27,892	43,169	45,502	55,247
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	-	-	-	-	-	-
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	23,351	31,121	27,892	43,169	45,502	55,247
Nợ Vay/VCSH	236.5%	218.9%	124.6%	185.7%	169.6%	199.4%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	30,000
% tăng giá	15%
Vùng giá mua	24,000 - 25,000
Giá dừng lỗ	22,000

Phân tích kỹ thuật

Giá HPG đang trong xu hướng tăng trung hạn vượt qua giai đoạn đi ngang quanh vùng giá 23 lên thẳng đỉnh cao 26.. Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy HPG đang đi vào vùng quá mua với RSI trên 80. MACD đang mở rộng hướng lên cho xu hướng tăng mạnh. Mục tiêu gần nhất của HPG là vượt qua đỉnh cũ và hướng về vùng giá 30,000.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Quý 1 năm 2025, HPG đạt lợi nhuận 3,344 tỷ đồng, tăng 17% sơ với cùng kỳ. Năm 2025. HPG đặt kế hoạch doanh thu đạt 170 nghìn tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2024 và là mức doanh thu cao nhất trong lịch sử nếu hoàn thành kế hoạch; LNST đạt 15 nghìn tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2024. Dự kiến chi trả cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 20%.
- Tháng 3/2024, Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) đã ký biên bản ghi nhớ với tỉnh Phú Yên về việc nghiên cứu đầu tư 3 dự án chiến lược với tổng vốn hơn 120.000 tỷ đồng (tương đương gần 5 tỷ USD). Các dự án bao gồm: Khu công nghiệp (KCN) Hòa Tâm (13.300 tỷ đồng), Cảng Bãi Gốc (24.000 tỷ đồng) và Khu liên hợp gang thép Hòa Phát tại KCN Hòa Tâm (86.000 tỷ đồng).
- HPG hiện có tỷ lệ nợ vay/VCSH ở mức 72% tương ứng 83 ngàn tỷ đồng. Chi phí lãi vay hàng năm khoảng 2,200 tỷ.
- HPG được hưởng lợi trong giai đoạn bùng nổ đầu tư công sắp tới bao gồm các dự án lớn cao tốc bắc nam và các công trình lớn.
- Vừa qua Việt Nam chính thức ban hành mức thuế chống bán phá giá đối với thép cuộn cán nóng (HRC) với mức thuế từ 23,1% đến 27,83%. Biện pháp này có hiệu lực tối đa 5 năm nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước. Đây là lợi thế rất lớn đối với HPG.



HPG	2020	2021	2022	2023	2024	2025Q1
Doanh thu (tỷ VND)	90,119	149,680	141,409	118,953	138,855	37,622
Lợi nhuận (tỷ VND)	13,450	34,478	8,484	6,835	12,021	3,344
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	18,904	41,108	16,763	12,938	18,498	5,424
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(2,192)	(2,526)	(3,084)	(3,585)	(2,287)	(627)
KLCP DLH (triệu CP)	3,313	4,473	5,815	5,815	6,396	6,396
VCSH (tỷ VND)	59,220	90,781	96,113	102,836	114,647	117,997
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	131,511	178,236	170,336	187,783	224,490	228,862
Book Value	17,873	20,296	16,529	17,685	17,924	18,448
EPS	4,060	7,708	1,459	1,175	1,879	1,953
ROE	22.7%	38.0%	8.8%	6.6%	10.5%	10.6%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	36,798	43,748	46,749	54,982	55,883	61,785
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	17,343	13,465	11,152	10,399	27,080	27,257
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	54,142	57,213	57,900	65,381	82,963	89,041
Nợ Vay/VCSH	91.4%	63.0%	60.2%	63.6%	72.4%	75.5%

LỊCH SỰ KIỆN



Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
 Tổng thống Donald Trump đã đặt thời hạn 90 ngày (kết thúc vào khoảng 14/7/2025) để đàm phán thương mại với các đối tác như Canada, Mexico, và Trung Quốc. Nhà đầu tư đang chờ xem liệu Mỹ sẽ áp thuế đối ứng (11-50%) hay gia hạn đàm phán.	 Các chỉ số kinh tế như doanh số bán lẻ (Retail Sales), chỉ số giá sản xuất (PPI), và chỉ số tâm lý người tiêu dùng có thể được công bố trong tuần này, vì đây là các báo cáo định kỳ hàng tháng. Những số liệu này sẽ ảnh hưởng đến kỳ vọng về chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang (Fed)	 Biên bản từ cuộc họp gần nhất của Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC) có thể được công bố, cung cấp thông tin về quan điểm của Fed đối với lãi suất và lạm phát. Với lãi suất hiện tại ở mức 4,25 - 4,5% (giữ nguyên từ tháng 1/2025), thị trường sẽ chú ý đến bất kỳ tín hiệu nào về việc cắt giảm lãi suất	 Các báo cáo về lạm phát (CPI), tăng trưởng kinh tế (GDP sơ bộ), hoặc đơn đặt hàng công nghiệp có thể được công bố, đặc biệt từ Đức và Pháp. Với số người thất nghiệp tại Đức đạt mức cao nhất trong 10 năm (2,993 triệu người vào tháng 1/2025), thị trường sẽ theo dõi sát các chỉ số kinh tế để đánh giá sức khỏe của Eurozone.	 Sau chuyến thăm của Tổng Bí thư Tô Lâm vào cuối 2024, Trung Quốc có thể tiếp tục các cuộc đàm phán thương mại và cơ sở hạ tầng với Việt Nam và các nước ASEAN
 Các cuộc thảo luận về hợp tác song phương giữa Anh và Pháp, tập trung vào quốc phòng và năng lượng, có thể tiếp tục sau các cam kết gần đây	 PMI Trump đã lặp lại lời đe dọa áp thuế đối với các quốc gia BRICS nếu họ tạo ra đồng tiền riêng, có thể dẫn đến các phản ứng chính trị từ Nga, Trung Quốc và các nước khác.	 Ngân hàng Trung ương Úc (RBA) và Ngân hàng Hàn Quốc (BOK) dự kiến công bố quyết định lãi suất trong tuần này. Với áp lực lạm phát và tăng trưởng kinh tế chậm tại khu vực, các quyết định này sẽ ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán và tiền tệ châu Á	 Với thuế quan 10% từ Mỹ (có hiệu lực từ 4/2/2025), Trung Quốc có thể đưa ra các biện pháp đối phó, như kiểm soát xuất khẩu vật liệu lưỡng dụng (gali, gecmani, antimon) hoặc thúc đẩy đồng BRICS.	 Với dự báo kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 60-62 tỷ USD trong 2025, các sự kiện xúc tiến thương mại hoặc báo cáo về xuất khẩu (đặc biệt gỗ và nội thất) có thể diễn ra.

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	HHV	HOSE	18/07/2025	21/07/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	DTB	UPCoM	18/07/2025	21/07/2025	5/8/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	BIO	UPCoM	17/07/2025	18/07/2025	26/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	TMP	HOSE	17/07/2025	18/07/2025	30/07/2025	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	OCB	HOSE	17/07/2025	18/07/2025	7/8/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	KDH	HOSE	17/07/2025	18/07/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	CDG	UPCoM	17/07/2025	18/07/2025	05/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	BHP	UPCoM	16/07/2025	17/07/2025	28/07/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	TV3	HNX	16/07/2025	17/07/2025	22/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	FRT	HOSE	16/07/2025	17/07/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 4:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	A32	UPCoM	16/07/2025	17/07/2025	12/08/2025	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	NBT	UPCoM	15/07/2025	16/07/2025	29/07/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	XHC	UPCoM	15/07/2025	16/07/2025	01/08/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	BMK	UPCoM	15/07/2025	16/07/2025	22/07/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	HLB	UPCoM	15/07/2025	16/07/2025	25/07/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 11,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	BCF	HNX	15/07/2025	16/07/2025	28/07/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	DPM	HOSE	15/07/2025	16/07/2025	3/9/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	KMT	HNX	14/07/2025	15/07/2025	29/07/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	GVT	UPCoM	14/07/2025	15/07/2025	28/07/2025	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 3,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	RAT	UPCoM	14/07/2025	15/07/2025	24/07/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



THANK YOU